

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VINH LONG
TỈNH VINH LONG**

Bản án số: 41/2019/HS-ST

Ngày: 11-6-2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG, TỈNH VINH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hải Châu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Tư

2. Ông Nguyễn Văn Cường

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn An Phước - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long - tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Võ Hoài Phương - Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 22/2019/HSST ngày 20 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2019/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 4 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: Phạm Chí L, sinh năm: 1982; nơi sinh: Tỉnh Bạc Liêu.

Tên gọi khác: Đ

Nơi cư trú: Ấp H, xã Đ, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn L – (chết) và bà Ngô Thị A – sinh năm 1964. Vợ con: Chưa có.

Tiền án: 01 lần. Ngày 26/7/2007 bị Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh tuyên phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”, chưa được xóa án tích.

Tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố Bạc Liêu, có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại:* Chị Lê Thanh T, sinh năm 1979; nơi cư trú: Số N đường D, phường M, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Lê Thị K; sinh năm 1989; nơi cư trú: Số N đường H, Phường M, Quận 11, thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

2. Chị Trần Hồ Thúy D, sinh năm 1985; nơi cư trú: Số C đường T, phường L, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

3. Chị Lê Ngọc H, sinh năm 1980; nơi cư trú: Ấp B, xã Đ, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng đầu tháng 8/2017 Phạm Chí L và chị Lê Thanh T quen biết, kết bạn và thường nói chuyện qua mạng xã hội Zalo. Khoảng tháng 4/2018 L nhiều lần đến thành phố Vĩnh Long gặp chị T. Khoảng 15 giờ ngày 29/8/2018 L điều khiển xe mô tô biển số 94E1-303.29 đến thành phố Vĩnh Long và hẹn chị T ra Công viên Sông Tiền uống cà phê, trong lúc uống cà phê L rủ chị T thuê nhà trọ ngủ qua đêm thì chị T đồng ý. L điều khiển xe 94E1-303.29, chị T điều khiển xe mô tô Visson 64F1-224.89, cả hai cùng chạy đến nhà trọ 79 đường H, Phường C, thành phố Vĩnh Long để thuê phòng. Sau khi nhận phòng thì L và chị T dẫn 02 xe mô tô vào phòng. Khi L đóng cửa phòng thì chị T lấy 02 điện thoại di động ra để lên giường ngủ rồi đi vào nhà vệ sinh. L thấy điện thoại và xe của chị T thì nảy sinh ý định chiếm đoạt nên lợi dụng lúc chị T đang trong nhà vệ sinh, L liền lấy 02 điện thoại di động hiệu Samsung bỏ vào túi quần và lén lút dẫn xe mô tô biển số 64F1-224.89 ra khỏi phòng chạy về thành phố Hồ Chí Minh đem đến tiệm cầm đồ T số N đường H, Phường M, Quận 11, thành phố Hồ Chí Minh của chị Lê Thị K cầm được 13.000.000 đồng, còn 02 điện thoại di động L bán cho một thanh niên (không rõ họ tên, địa chỉ) với giá 2.400.000 đồng tiêu xài cá nhân hết.

Theo kết luận định giá tài sản số 154/HĐĐG & TTTHS ngày 26/12/2018 của Hội đồng định giá và tổ tụng hình sự thành phố Vĩnh Long đã kết luận: xe mô tô số 64F1-224.89 trị giá 21.900.000 đồng; điện thoại di động Samsung A7 trị giá 4.194.000 đồng; điện thoại di động Samsung J5 trị giá 1.356.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 27.450.000 đồng.

Bản cáo trạng số 26/CT-VKSND.TPVL ngày 11/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long truy tố bị cáo Phạm Chí L về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long tham gia xét xử đã nêu quan điểm luận tội: Kháng định cáo trạng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các quy định tại khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Chí L từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Lê Thanh T đã nhận lại xe mô tô 64F1-224.89. Yêu cầu bị cáo bồi thường 02 điện thoại không thu hồi được là 5.550.000 đồng, bị cáo đồng ý bồi thường. Xét bị cáo và bị hại thỏa thuận được với nhau về số tiền bồi thường nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Hồ Thúy D yêu cầu chị Lê Thị K trả lại 21.000.000 đồng là tiền chị bỏ ra mua xe mô tô 64F1- 224.89. Chị K cũng đồng ý trả cho chị D số tiền trên. Xét chị D và chị K đã thỏa thuận được việc bồi thường, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Chị Lê Thị K yêu bị cáo bồi thường số tiền 13.000.000 đồng, bị cáo đồng ý bồi thường. Xét bị cáo và chị K thỏa thuận được với nhau về số tiền bồi thường nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bị cáo Phạm Chí L đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp của mình đúng như cáo trạng đã nêu và đồng ý với tội danh mà bị cáo bị truy tố. Bị cáo không tham gia tranh luận, trong phần nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Vĩnh Long, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo L khai nhận: Bị cáo và chị Lê Thanh T có quan hệ tình cảm với nhau nên vào khoảng 15 giờ ngày 29/8/2018 bị cáo đến Vĩnh Long hẹn gặp chị T uống cà phê sau đó rủ chị T đi nhà trọ ngủ qua đêm. Bị cáo và chị T đến nhà trọ C trên đường H, Phường C, thành phố Vĩnh Long. Khi vào phòng chị T lấy 02 điện thoại di động để lên bàn rồi đi vào nhà vệ sinh. Thấy chị T có tài sản bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt nên đã lén lút lấy 02 điện thoại di động và xe mô tô của chị T rời khỏi phòng trọ và chạy về thành phố Hồ Chí Minh. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" tội danh và hình phạt được quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự; tài sản bị chiếm đoạt có giá trị 27.450.000 đồng. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo qui định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là chính xác.

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, tội phạm ít nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản người khác. Bị cáo có đầy đủ năng lực để nhận thức được tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác

phải được mọi người tôn trọng, được pháp luật bảo vệ, nếu ai xâm phạm sẽ bị xử lý theo pháp luật. Bị cáo là thanh niên, có sức khỏe nhưng chỉ vì lòng tham muốn có tiền tiêu xài mà không phải lao động cực nhọc nên đã thực hiện hành vi phạm tội một cách cố ý gây mất trật tự xã hội và tâm lý lo lắng trong nhân dân. Bị cáo có 01 tiền án về tội cướp giật tài sản, chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này của bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, với hành vi phạm tội này, bị cáo cần phải bị xử lý nghiêm với một hình phạt tương ứng trong khung hình phạt mà bị cáo bị truy tố, phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đảm bảo được tính răn đe, giúp bị cáo học tập, cải tạo bản thân trở thành một người công dân có ích và cũng góp phần phòng ngừa chung cho xã hội.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây cũng là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Lê Thanh T đã nhận lại xe mô tô 64F1-224.89. Yêu cầu bị cáo bồi thường 02 điện thoại không thu hồi được là 5.550.000 đồng, bị cáo đồng ý bồi thường nhưng hiện tại chưa có khả năng. Xét bị cáo và bị hại thỏa thuận được với nhau về số tiền bồi thường nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Sau khi trộm được xe mô tô của chị T, ngày 30/8/2018 bị cáo đem xe cầm cho chị Lê Thị K với giá 13.000.000 đồng, sau đó bị cáo không đóng lãi và không đến chuộc xe đúng quy định nên ngày 17/10/2018 chị K đã bán xe lại cho chị Trần Hồ Thúy D với giá 21.000.000 đồng. Chị D yêu cầu chị Lê Thị K trả lại 21.000.000 đồng là tiền chị bỏ ra mua xe mô tô 64F1-224.89. Chị K cũng đồng ý trả cho chị D số tiền trên. Xét chị D và chị K đã thỏa thuận được việc bồi thường nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Chị Lê Thị K yêu bị cáo bồi thường số tiền 13.000.000 đồng, bị cáo đồng ý bồi thường nhưng hiện tại chưa có khả năng. Xét bị cáo và chị K thỏa thuận được với nhau về số tiền bồi thường nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bị cáo phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

I. Tuyên bố bị cáo Phạm Chí L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Chí L 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo tính từ ngày bị bắt đi chấp hành án.

II. Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự.

Công nhận thỏa thuận giữa bị cáo Phạm Chí L và chị Lê Thanh T. Buộc bị cáo Phạm chí L bồi thường cho chị Lê Thanh T số tiền 5.550.000 đồng (năm triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng).

Công nhận thỏa thuận giữa bị cáo Phạm Chí L và chị Lê Thị K. Buộc bị cáo Phạm chí L bồi thường cho chị Lê Thị K số tiền 13.000.000 đồng (mười ba triệu đồng).

Công nhận thỏa thuận giữa chị Lê Thị K và chị Trần Hồ Thúy D. Buộc chị Lê Thị K bồi thường cho chị Trần Hồ Thúy D số tiền 21.000.000 đồng (hai mươi một triệu đồng).

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

III. Án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án và danh mục ban hành kèm theo;

Buộc bị cáo Phạm Chí L nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Bị cáo và trại giam;
- Tòa án tỉnh VL;
- VKSND tỉnh VL;
- Công an TPVL;
- VKSND TPVL;
- Chi cục THADS TPVL;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Hải Châu